| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ B**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **33**/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 25/9/2020
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Tố Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lường Văn Hịa.

Ông Lò Thanh Hồng.

*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **202**/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* "; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị T- sinh năm: 1998;

Nơi ĐKHKTT: Đội 06 (nay là bản P Đ), xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

Chỗ ở hiện nay: Bản B, xã B N, huyện M T, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Anh Lò Minh T1- sinh năm 1995;

Nơi ĐKHKTT: Đội 06 (nay là bản P Đ), xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Lò Minh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/12/2017, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận cho đến tháng 09/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sông bất đồng, không có tiếng nói chung. Anh T1 nghiện ma túy mặc dù gia đình và bản thân chị T có khuyên ngăn nhưng anh T1 không bỏ được có lần còn đánh chị. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở M T, tỉnh Lai Châu sinh sống cho đến nay, không ai còn quan T tới cuộc sống của nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T làm đơn khởi kiện

xin ly hôn với anh T1 tại Tòa án nhân dân huyện Điên Biên, tỉnh Điện Biên. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Minh T1.

*Về con chung:* Chị Lường Thị T và anh Lò Minh T1 có 01 con chung là cháu Lò Yến C, sinh ngày 12/10/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Yến C cho đến khi cháu C đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản:* Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Chị Lường Thị T và anh Lò Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và trong quá trình hòa giải bị đơn anh Lò Minh T1 trình bày*:**

Anh T1 và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/12/2017, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận cho đến tháng 09/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính cũng chỉ là do mâu thuẫn hàng ngày trong cuộc sống vợ chồng. Chúng tôi đã được 02 bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không hòa giải được. Anh T1 và chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2018, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Mường Tè, tỉnh Lai Châu sinh sống cho đến nay, không ai còn quan T tới cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T làm đơn xin ly hôn nhưng xét thấy tình cảm vẫn còn nên anh T1 không đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị được quay về đoàn tụ.

*Về con chung*: Anh Lò Minh T1 và chị Lường Thị T có 01 con chung là cháu Lò Yến C, sinh ngày 12/10/2017. Vì không nhất trí ly hôn nên anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản:* Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh T1 và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ B đã nhiều lần tiến hành hòa giải tại Tòa án, nhưng đều không thành vì quan điểm của nguyên đơn chị Lường Thị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, lòng tin của anh T1 đối với chị T đã hết, Chị T và anh T1 đã sống ly thân trong một thời gian dài, cả hai đã không còn quan T đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc dù tại các buổi hòa giải quan điểm của anh T1 đều không đồng ý ly hôn mong muốn được quay về đoàn tụ cùng chị T, nhưng chị T vẫn giữ quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Ngày 01/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

**[1] Về tố tụng:** Chị Lường Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Minh T1. Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Đội 06 (nay là bản Phai Đin), xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a

khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lò Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về nội dung:**

***[2.1] Xét về hôn nhân:***

Chị Lường Thị T và anh Lò Minh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 04/12/2017, Anh chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị xảy ra do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do anh T1 mắc tệ nạn nghiện ma túy không tu chí làm ăn, đã rất nhiều lần chị T và gia đình tự cai và khuyên bảo nhưng anh ấy không nghe, thường xuyên mắng chửi và có lần còn đánh chị T. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Mường Tè, tỉnh Lai Châu sinh sống cho đến nay, không ai còn quan T tới cuộc sống của nhau nữa và bản thân anh T1 cũng không làm tròn trách nhiệm của người Bố, không một lần hỏi han, thăm nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân chị T cung cấp cho Tòa án ngày 04/8/2020 và tại phiên tòa chị T nói rằng hiện nay mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, không thể cứu vãn được nữa thể hiện bằng việc vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, điều đó chứng tỏ rằng anh chị đã không còn muốn chung sống cùng nhau nữa. Mặc dù được tòa án phân tích, hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn để giải phóng cho chị, còn về phía anh T1 không đồng ly hôn, mong muốn gia đình đoàn tụ, nhưng bản thân anh T1 đã không có định ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hạnh phúc gia đình muốn tồn tại được phải từ 02 phía, đơn phương một phía không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng và không thể cứu vãn.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng chị T, anh T1 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1 theo khoản 1Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

***[2.2] Xét về con chung:***

Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Lò Yến C, sinh ngày 12/10/2017. Vì cháu Yến C còn quá nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định thì "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng....". Do đó, việc giao cháu Lò Yến C cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là cần thiết.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

***[2.3] Xét về tài sản và công nợ:*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

**[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ  Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lường Thị T với anh Lò Minh T1.

**2.Về con chung:** Giao con chung là cháu Lò Yến C, sinh ngày 12/10/2017 cho chị Lường Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C con đủ tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản:** Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án, chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003484 ngày 24/7/2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lường Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Minh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận:***
*- VKSND HĐB;*
*- Các đương sự;*
*- UBND xã T C, HĐB, tỉnh ĐB;*
*- C cục THADS HĐB;*
*- Lưu VP;*
*- Tòa án tỉnh ĐB;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**